TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 14/2018/HNGĐ – ST
Ngày 15/6/2018
V/v:Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Vĩnh - Nguyên chủ tịch Hội phụ nữ.
Ông Lê Đình Cự - Cán bộ hưu trí xã Đông Xuân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX- ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Ông Hà Đình Q sinh năm 1949
Bị đơn*:* Bà Lê Thị Hoàng Ng sinh năm 1954
Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã H V, huyện Đ H, tỉnh T B.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/6/2017 và trong quá trình tố tụng ông Hà Đình Quyền trình bày:

Ông Q và bà Ng tự nguyện kết hôn vào ngày 02/10/1977, tại UBND xã H V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi cưới bố mẹ ông cho vợ chồng ăn riêng; Bà Ng không muốn ở chung với gia đình chồng nên bắt ông phải mua nhà để ở riêng nhưng khi ông mua nhà riêng được một tuần thì bà Ng lại cho rằng nhà có ma bắt ông phải bán nhà. Ông Q giải thích bà Ng không nghe, bà Ng giả điên giả dại, nên bảy tháng sau ông phải bán nhà mới mua của vợ chồng đi. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặt khác trong quan hệ vợ chồng cũng

không hợp nhau. Ông bực tức bỏ đi Quảng Ninh làm ăn, còn bà Ng về nhà bố mẹ đẻ ở. Bà Ng sống với bố mẹ đẻ bà khoảng 3 - 4 năm, ông đi làm công nhân thỉnh thoảng mới về nhà. Năm 1981, ông đã làm đơn xin ly hôn bà Ng chính quyền xã H V hòa giải ông đã rút đơn ly hôn. Năm 1992, ông lại làm đơn ly hôn bà Ng nhưng Tòa án Đông Hưng bác đơn ly hôn. Sau khi Tòa án bác đơn, cuộc sống chung vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, bà Ng xúi dục các con coi thường bố. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi từ năm 1992, ông ở Quảng Ninh làm ăn, bà Ng vẫn ở H V. Năm 2010, ông về hưu do ông còn mẹ già đã trên trăm tuổi nên ông phải về quê chăm sóc mẹ. Ông về xã H V sinh sống nhưng không về chung sống với bà Ng. Nay ông Q xác định vợ chồng không có tình cảm, ông quyết tâm xin được ly hôn bà Ng. Bà Ng có xin đoàn tụ ông cũng không chấp nhận. Tòa có bác đơn xin ly hôn, ông cũng không về sống chung với bà Ng và sẽ tiếp tục làm đơn cho đến khi được ly hôn. Bà Ng còn làm đơn tố cáo ông chung sống với bà B như vợ chồng là không có căn cứ, bởi thực tế anh em ông thuê bà Trần Thị B về giúp việc chăm sóc mẹ đẻ ông già yếu, cụ đã 105 tuổi. Anh em ông tuổi đã cao, không thể trực tiếp chăm mẹ được, phải thuê bà B làm giúp. Bà Ng nói thế nào là quyền của bà Ng, ông Q không cần thanh minh.

Về con chung: Ông và bà Ng có 04 con chung. Khi sinh con ông bảo bà Ng đặt tên các con là M, M1, V con út thì ông không đặt tên nhưng sau bà Ng tự ý đổi và đặt tên các con thành Hà Thị H, Hà Thị H1, Hà Thị H2, Hà Thị H3. Ngày tháng năm sinh cụ thể của các con thì ông không nhớ. Tuy nhiên, các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng đều tự lập về kinh tế. Ông Q không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung,

Về tài sản chung: Ông và bà Ng không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Ng cho rằng vợ chồng có 01 ngôi nhà 3 gian xây dựng ở bãi thải than ở Quảng Ninh là đúng, nhưng năm 1994 ông đã bán căn nhà trên được 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) lúc đó tương đương một chỉ vàng. Tiền bán nhà ông đã chi tiêu sinh hoạt và gửi về cho bà Ng nuôi con không còn. Từ lâu vợ chồng đã ly thân kinh tế riêng biệt không có gì liên quan về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2017 bà Lê Thị Hoàng Ng trình bày:

Bà Ng và ông Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã H V vào năm 1977. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 1978 thì mua nhà ra ở riêng, nhưng ngôi nhà vợ chồng mua không hợp với vợ chồng nên bà đã bàn với ông Q bán đi. Sau khi bán nhà, vợ chồng bàn nhau xin việc cho bà ra Quảng Ninh cùng với ông Q, nhưng lúc đó bà có thai con lớn nên không thể xin được việc bà phải ở nhờ nhà em trai ông Q, hai tháng sau đó bà về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tết âm lịch năm 1979, ông Q về quê bảo bà về nhà mẹ chồng ăn tết, nhưng mẹ chồng bà không cho về. Bà đã ở lại nhà mẹ đẻ ăn tết sau có về nhà chồng 1- 2 ngày vợ chồng vui vẻ thì ông Q lại đi làm ở Quảng Ninh. Từ

1979 – 1984, bà Ng lần lượt sinh con lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba những lần đó có thời kỳ ông Q đưa mẹ con bà ra Quảng Ninh sinh sống cùng ông một thời gian. Đến năm 1988 do các con còn nhỏ bà không có việc làm, ở quê có chính sách chia ruộng nên bà bàn với ông Q cho mẹ con bà về nhận ruộng, ông Q đồng ý. Bà đưa các con về xã H V sinh sống từ đó đến nay. Ông Q thi thoảng vẫn đi về. Năm 1988 bà sinh con thứ tư. Các con chung của bà và ông Q đều là con gái nên năm 1992 ông Q làm đơn ly hôn bà, cho rằng bà không chung thủy. Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã bác đơn ly hôn của ông Q, vì không có căn cứ cho rằng bà không chung thủy. Tuy nhiên sau khi Tòa bác đơn ly hôn, ông Q không quan tâm đến bà và các con. Các con học hành và đi xây dựng gia đình, ông Q cũng chỉ lo một phần rất nhỏ. Ông Q đã chung sống với người phụ nữ khác là bà Trần Thị B ở Quảng Ninh từ năm 1992 đến nay. Tuy nhiên do bà không có con trai nên bà đành để cho ông Q chung sống với bà B, vì nghĩ nếu bà B có con trai sau cũng là con bà. Vợ chồng vẫn mỗi người một nơi, kinh tế riêng biệt. Năm 2010, ông Q về hưu, ông đưa cả bà B về quê và giới thiệu là vợ hai của ông Q. Ông Q còn trao đổi với bà Ng, bà thì có gạo, ông thì có lương, còn bà B là người nấu ăn cho gia đình và bảo bà về ăn chung với ông và bà B, nhưng bà bực nên không đồng ý. Trong lý lịch Đảng của ông Q từ năm 1998, ông Q khai trong mục họ tên vợ là bà Trần Thị B, người mà hiện nay ông đưa về chung sống cùng nhà với ông tại nhà em trai ông ở thôn Đ, xã H V mà không ghi tên bà. Bà biết ông Q đã có bà B, bà B trẻ hơn nên khi ông Q về quê ,không về chung sống với bà. Bà cũng không thể sang đó để sống cùng ông Q và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên nếu ông Q không làm đơn ly hôn và cứ sống ly thân như vậy bà cũng chấp nhận. Nay ông Q lại làm đơn ly hôn bà, bà không chấp nhận ly hôn. Bà đã làm đơn yêu cầu xử lý ông Q vi phạm chế độ một vợ một chồng đến cơ quan Công an Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; và làm đơn đề nghị tới UBND phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả nơi ông Q có hộ khẩu thường trú và sinh hoạt đảng để đề nghị xử lý ông Q. Việc công an Thành phố Cẩm Phả trả lời khiếu nại cho rằng ông Q không vi phạm chế độ một vợ một chồng, bà không nhất trí và đề nghị Tòa bác đơn ly hôn của ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 4 con chung là Hà Thị H sinh năm 1979, Hà Thị H1 sinh năm 1983, Hà Thị H2 sinh năm 1987, Hà Thị H3 sinh năm 1989. Các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng không phải nuôi dưỡng. Lúc đầu vợ chồng có đặt tên con như ông Q trình bày nhưng sau khi một cháu bị ốm qua đời nên bà Ng đã đổi tên và khai sinh lại cho các con chứ không phải coi thường ý kiến của ông Quyền như ông trình bày.

Về tài sản: Bà và ông Q không có tài sản chung. Trước đây khi ông bà còn chung sống ở Quảng Ninh thì vợ chồng có 01căn nhà 03 gian dàn tre lợp nứa xây gạch ba vanh. Nhà được làm trên bãi thải than ở mỏ than cọc 6 Quảng Ninh. Khi bà về quê năm 1988, ông Q ở lại vẫn sống ở ngôi nhà này. Sau đó

ông Q bán nhà đi, bán cho ai, ở đâu, được bao nhiêu tiền, bà không biết. Bà chỉ nghe con thứ hai bà nói lại là nghe nói ông Q bán nhà được 6.000.000 đồng (sáu triệu) tương đương với 01 cây vàng. Ông Q bán nhà đi mua nhà khác để ở, ông mua ở đâu, mua bao nhiêu tiền bà không biết, bà cũng không có căn cứ nộp cho Tòa.

Nay nếu ông Q nhất quyết ly hôn, bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông Q trả đủ cho bà 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu) bao gồm tiền ông bán căn nhà ở Quảng Ninh tương đương 01 cây vàng, tiền mà ông không có trách nhiệm chăm lo cho con cái ăn học cùng bà. Bồi thường danh dự cho bà, khi ông không có căn cứ cho rằng bà không chung thủy. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nữa nhưng bà không chấp nhận ly hôn. Bà đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của ông Q.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 146, Điều 147; Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Q được ly hôn bà Ng.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Q có đơn khởi kiện xin ly hôn bà N tại Tòa án huyện Đông Hưng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng, ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Việt, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn đã mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Quá trình chung sống đã có lần ông Q làm đơn xin ly hôn bà Ng nhưng đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã bác đơn ly hôn. Sau khi Tòa án bác đơn, ông Q và bà Ng vẫn không về chung sống với nhau. Ông Q vẫn sinh sống ở Quảng Ninh, bà Ng ở Hồng Việt. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Ông Q không còn tình cảm vợ chồng với bà Ng, ông đã ghi tên người phụ nữ khác không phải là tên bà Ng ở phần họ tên vợ

trong lý lịch đảng viên của mình, xem bà Ng có phản ứng gì, nhưng bà Ng cũng bỏ mặc không có biện pháp ngăn chặn và khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Năm 2010, ông Q về quê nhưng cũng không về chung sống với bà Ng mà đăng ký tạm trú tại nhà em trai ở thôn Đ, xã H V. Vợ chồng tiếp tục sống ly thân, không quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Nay ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà Ng cũng xác định ông Q không còn tình cảm với bà, nếu ông Q tiếp tục sống với bà B mà không ly hôn bà, bà vẫn đồng ý vì để con bà vẫn có bố, cháu bà vẫn có ông.

Song xét thấy thực tế mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận nguyện vọng của ông Q xử cho ông Q được ly hôn bà Ng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Ng, ông Q có 4 con chung Hà Thị H sinh năm 1979, Hà Thị H1 sinh năm 1983, Hà Thị H2 sinh năm 1987, Hà Thị H3 sinh năm 1989. Các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Q, bà N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Q là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Q, bà Ng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử .

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hà Đình Q được ly hôn bà Lê Thị Hoàng Ng.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền ông Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007368 ngày 03/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án ngày 15/6/2018

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cung cấp;
- UBND xã H V
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hà Thị Nhung